TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **241**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 27 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 239/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Q.L, sinh năm 1992;

Địa chỉ: phường Đ.B, thành phố H, tỉnh T.T.H;

- Chị Nguyễn T.T.H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: phường Đ.B, thành phố H, tỉnh T.T.H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Q.L và chị Nguyễn T.T.H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T.T (nay là phường Đ.B), thành phố H, tỉnh T.T.H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/5/2019. Hai người chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian ngắn thì xảy ra cãi vả, gây gổ nhau do tính tình không hợp. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng không giải quyết được, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn nên anh L và chị H yêu cầu Tòa án xem xét công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Phạm Q.L và chị Nguyễn T.T.H xác nhận có 01 con chung tên là Phạm A.T, sinh ngày 30/5/2019 và thỏa thuận: Giao cháu T cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T sau khi ly hôn với số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Anh Phạm Q.L và chị Nguyễn T.T.H đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Phạm Q.L và chị Nguyễn T.T.H thỏa thuận mỗi người chịu ½ lệ phí là 150.000 đồng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và thuận tình ly hôn lập ngày 19/4/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Q.L và chị Nguyễn T.T.H.

- Về con chung: Giao con chung tên là Phạm A.T, sinh ngày 30/5/2019 cho chị Nguyễn T.T.H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Q.L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T số tiền 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 05/2023 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Anh Phạm Q.L và chị Nguyễn T.T.H xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Phạm Q.L và chị Nguyễn T.T.H phải chịu mỗi người ½ lệ phí là 150.000 đồng nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005705 ngày 23/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh L và chị H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường Đ.B, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Nam